

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phân bổ vốn sự nghiệp kế hoạch năm 2020
và vốn dự phòng đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020
(còn lại của năm 2020) của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và chi tiết dự toán ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình MTQG năm 2020;

Theo Văn bản số 412/BNN-VPĐP ngày 14/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 32/TTr-SKHĐT ngày 13/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ vốn sự nghiệp kế hoạch năm 2020 và vốn dự phòng đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 (còn lại của năm 2020) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. *Chi tiết có Phụ lục 1,2 kèm theo.*

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Châu;
- VP ĐP XD NTM tỉnh;
- PVP VX;
- Lưu VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

PHỤ LỤC 1

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Vốn sự nghiệp TW kế hoạch năm 2020	Ghi chú	Đầu mối giao kế hoạch vốn
	TỔNG CỘNG	73.600		
I	Thành phố Quy Nhơn	393		
1	Xã Nhơn Lý	87	(*)	UBND thành phố Quy Nhơn
2	Xã Phước Mỹ	87		
3	Xã Nhơn Châu	87		
4	Xã Nhơn Hải	87		
5	Hỗ trợ tuyên truyền cho thành phố Quy Nhơn	15		
6	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo thành phố Quy Nhơn	30		
II	Huyện Vân Canh	2.176		
1	Xã Canh Vinh	351	(*)	UBND huyện Vân Canh
2	Xã Canh Thuận	351		
3	Xã Canh Hiển	351		
4	Xã Canh Hòa	351		
5	Xã Canh Hiệp	351		
6	Xã Canh Liên	351		
7	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện	20		
8	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	50		
III	Huyện Tuy Phước	1.321		
1	Xã Phước An	88	(*)	UBND huyện Tuy Phước
2	Xã Phước Nghĩa	88		
3	Xã Phước Hưng	88		
4	Xã Phước Lộc	88		
5	Xã Phước Thành	88		
6	Xã Phước Quang	88		
7	Xã Phước Hiệp	88		
8	Xã Phước Hòa	88		
9	Xã Phước Sơn	88		
10	Xã Phước Thuận	88		
11	Xã Phước Thắng	351		

12	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện	30		
13	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	60		
IV	Thị xã An Nhơn	970		
1	Xã Nhơn Lộc	88	(*)	UBND thị xã An Nhơn
2	Xã Nhơn An	88		
3	Xã Nhơn Phúc	88		
4	Xã Nhơn Thọ	88		
5	Xã Nhơn Phong	88		
6	Xã Nhơn Khánh	88		
7	Xã Nhơn Mỹ	88		
8	Xã Nhơn Hậu	88		
9	Xã Nhơn Hạnh	88		
10	Xã Nhơn Tân	88		
11	Hỗ trợ tuyên truyền cho thị xã	30		
12	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo thị xã	60		
V	Huyện Tây Sơn	1.574		
1	Xã Tây Thuận	88	(*)	UBND huyện Tây Sơn
2	Xã Bình Hòa	88		
3	Xã Bình Tường	88		
4	Xã Tây Xuân	88		
5	Xã Bình Nghi	88		
6	Xã Bình Thuận	88		
7	Xã Tây An	88		
8	Xã Tây Bình	88		
9	Xã Tây Vinh	88		
10	Xã Tây Phú	88		
11	Xã Bình Thành	114		
12	Xã Bình Tân	114		
13	Xã Vĩnh An	351		
14	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện	35		
15	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	80		
VI	Huyện Vĩnh Thạnh	2.896		
1	Xã Vĩnh Quang	351	(*)	UBND huyện Vĩnh Thạnh
2	Xã Vĩnh Thuận	351		
3	Xã Vĩnh Thịnh	351		
4	Xã Vĩnh Hiệp	351		
5	Xã Vĩnh Hảo	351		
6	Xã Vĩnh Hòa	351		
7	Xã Vĩnh Sơn	351		
8	Xã Vĩnh Kim	351		
9	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện	25		
10	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	63		

VII	Huyện Phù Cát	2.106				
1	Xã Cát Trinh	88	(*)	UBND huyện Phù Cát		
2	Xã Cát Tài	88				
3	Xã Cát Hiệp	88				
4	Xã Cát Hanh	88				
5	Xã Cát Lâm	88				
6	Xã Cát Hưng	88				
7	Xã Cát Tường	88				
8	Xã Cát Tân	88				
9	Xã Cát Nhơn	88				
10	Xã Cát Thành	88				
11	Xã Cát Khánh	88				
12	Xã Cát Minh	88				
13	Xã Cát Sơn	114				
14	Xã Cát Thắng	114				
15	Xã Cát Hải	351				
16	Xã Cát Chánh	351				
17	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện	35				
18	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	85				
VIII	Huyện Phù Mỹ	2.895				
1	Xã Mỹ Hiệp	88	(*)	UBND huyện Phù Mỹ		
2	Xã Mỹ Lộc	88				
3	Xã Mỹ Hoà	88				
4	Xã Mỹ Tài	88				
5	Xã Mỹ Trinh	88				
6	Xã Mỹ Quang	88				
7	Xã Mỹ Châu	88				
8	Xã Mỹ Cát	88				
9	Xã Mỹ Thọ	88				
10	Xã Mỹ Chánh Tây	114				
11	Xã Mỹ Phong	114				
12	Xã Mỹ Lợi	351				
13	Xã Mỹ Thành	351				
14	Xã Mỹ Đức	351				
15	Xã Mỹ Thắng	351				
16	Xã Mỹ An	351				
17	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện	35				
18	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	85				
IX	Huyện Hoài Ân	3.193				
1	Xã Ân Thạnh	88				
2	Xã Ân Phong	88				
3	Xã Ân Tường Tây	88				

4	Xã Ân Đức	88	(*)	UBND huyện Hoài Ân		
5	Xã Ân Hảo Đông	88				
6	Xã Ân Tín	88				
7	Xã Ân Mỹ	88				
8	Xã Ân Hảo Tây	351				
9	Xã Ân Tường Đông	351				
10	Xã Ân Nghĩa	351				
11	Xã Ân Hữu	351				
12	Xã Ân Sơn	351				
13	Xã ĐăkMang	351				
14	Xã Bok Tới	351				
15	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện	35				
16	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	85				
X	Huyện Hoài Nhơn	1.435				
1	Xã Tam Quan Bắc	88			(*)	UBND huyện Hoài Nhơn
2	Xã Hoài Châu	88				
3	Xã Hoài Hương	88				
4	Xã Hoài Sơn	88				
5	Xã Hoài Châu Bắc	88				
6	Xã Hoài Thanh	88				
7	Xã Tam Quan Nam	88				
8	Xã Hoài Tân	88				
9	Xã Hoài Thanh Tây	88				
10	Xã Hoài Hảo	88				
11	Xã Hoài Phú	88				
12	Xã Hoài Xuân	88				
13	Xã Hoài Mỹ	88				
14	Xã Hoài Hải	88				
15	Xã Hoài Đức	88				
16	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện	35				
17	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	80				
XI	Huyện An Lão	2.895				
1	Xã An Hòa	351	(*)	UBND huyện An Lão		
2	Xã An Tân	351				
3	Xã An Trung	351				
4	Xã An Hưng	351				
5	Xã An Quang	351				
6	Xã An Vinh	351				
7	Xã An Nghĩa	351				
8	Xã An Toàn	353				
9	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện	20				

10	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	65		
XII	Các nội dung khác	51.746		
1	Tuyên truyền nông thôn mới cấp tỉnh	1.500		
-	Tuyên truyền về Xây dựng nông thôn mới	700		Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch" trong xây dựng nông thôn mới	300		Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh
-	Thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT trong xây dựng nông thôn mới	200		Công an tỉnh
-	Thực hiện công tác giám sát, đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	300		Ủy ban MTTQVN tỉnh
2	Đào tạo, tập huấn	19.500		
-	Đào tạo, tập huấn về xây dựng nông thôn mới	500		Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã	1000		Sở Nội vụ
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg		(**)	Sở Lao động, TB và Xã hội
-	Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện: Hoài Ân, An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh	18.000	(**)	Sở Lao động, TB và Xã hội
3	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo tỉnh	1.160		
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (<i>Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; kiểm tra, giám sát, hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình; công tác phí tham dự hội nghị, tập huấn do Trung ương tổ chức; thẩm định kết quả xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; tham quan mô hình, trao đổi kinh nghiệm về nông thôn mới giữa các địa phương</i>)	800		Sở Nông nghiệp và PTNT

-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100		Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Sở Tài chính	100		Sở Tài chính
-	Sở Xây dựng	60		Sở Xây dựng
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	100		Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Hỗ trợ xử lý, cải thiện vệ sinh môi trường nông thôn	4.000	(***)	Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014	300	(***)	Sở Nông nghiệp và PTNT
6	Hỗ trợ xây dựng và phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	1.500	(***)	Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn	1.000	(***)	Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh	4.000	(***)	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Hỗ trợ xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020	18.786	(***)	UBND cấp huyện

Ghi chú:

(*): Vốn sự nghiệp phân bổ các xã để duy tu bảo dưỡng công trình và phát triển sản xuất

(**): Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đề xuất phân bổ chi tiết vốn theo danh mục trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

(***) : Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất nội dung danh mục hỗ trợ trình UBND tỉnh phê duyệt.

PHỤ LỤC 2**PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN DỰ PHÒNG TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 (CÒN LẠI CỦA NĂM 2020)
CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	Tổng vốn dự phòng trung hạn 2016 – 2020 (theo Quyết định số 2516/QĐ- UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh)	Kế hoạch đã giao năm 2019 (theo Quyết định số 2516/QĐ- UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh)	Kế hoạch năm 2020
	TỔNG CỘNG	65.200	25.400	39.800
1	Đề án về mô hình bảo vệ môi trường (theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ)	26.788	6.900	19.888
2	Đề án về xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa (theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ)	500	500	0
3	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	26.000	13.000	13.000
4	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã (theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 và Quyết định 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	11.912	5.000	6.912

Ghi chú: Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất nội dung danh mục hỗ trợ chi tiết trình UBND tỉnh phê duyệt.